

---

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**KHOA KINH TẾ**

\*\*\*\*\*

**NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT**

**DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG Ở HÀ NỘI**  
**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

**Chuyên ngành: Kinh tế chính trị XHCN**

**Mã số: 5.02.01**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC KINH TẾ**  
**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN BÍCH**

*Hà nội – 2003*

---

## MỤC LỤC

### MỞ ĐẦU

<b><u>CHƯƠNG I: DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG Ở HÀ NỘI</u></b>	<b>5</b>
<b>1.1. Doanh nghiệp nhà nước và vai trò của nó trong nền kinh tế nước ta</b>	<b>5</b>
1.1.1. Khái niệm về doanh nghiệp nhà nước	5
1.1.2. Vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường	12
<b>1.2. Đặc điểm của doanh nghiệp nhà nước địa phương ở thành phố Hà Nội</b>	<b>15</b>
1.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội đối với sự phát triển của doanh nghiệp nhà nước địa phương ở thành phố Hà Nội.	15
1.2.2. Đặc điểm doanh nghiệp nhà nước địa phương ở thành phố Hà Nội.	18
<b><u>CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG Ở HÀ NỘI</u></b>	<b>25</b>
<b>2.1. Thực trạng của các doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội</b>	<b>25</b>
2.1.1. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội	25
2.1.1.1. Cơ cấu doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội	25
2.1.1.2. Tình hình tài chính, tài sản, trình độ kỹ thuật công nghệ và lao động	29
2.1.1.3. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp	35
2.1.2. Đánh giá chung về thực trạng phát triển doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội	38
2.1.2.1. Thành tựu	38

2.1.2.2. Tồn tại yếu kém	40
2.1.2.3. Nguyên nhân của những tồn tại trên.	45
<b>2.2. Tiến trình đổi mới các doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội</b>	<b>47</b>
2.2.1. Khái quát về tình hình sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước nói chung và doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội nói riêng.	47
2.2.2. Kết quả đạt được và những tồn tại của quá trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội.	53
2.2.3. Bài học kinh nghiệm rút ra từ đổi mới doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội	65
<b><u>CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG Ở HÀ NỘI</u></b>	<b>69</b>
<b>3.1. Quan điểm và phương hướng tiếp tục đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội.</b>	<b>69</b>
<b>3.2. Một số giải pháp chủ yếu nhằm đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội.</b>	<b>71</b>
3.2.1. Đổi mới tổ chức quản lý doanh nghiệp nhà nước	71
3.2.2. Sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước	79
3.2.2.1. Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước	79
3.2.2.2. Thực hiện giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, sáp nhập, giải thể doanh nghiệp nhà nước.	86
3.2.2.3. Sắp xếp doanh nghiệp công ích ở Hà Nội	87
3.2.3. Giải pháp về con người.	91
3.2.4. Giải pháp về khoa học công nghệ	93
3.2.5. Giải pháp về thị trường	94
<b>KẾT LUẬN</b>	<b>98</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	
<b>PHỤ LỤC</b>	

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài.

Trong đường lối phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, Đảng ta đã khẳng định: Kinh tế nhà nước phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Kinh tế nhà nước nắm những ngành, những lĩnh vực then chốt; là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế; đi đầu trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Nhưng hiện nay, trong thực tế khu vực doanh nghiệp nhà nước là bộ phận quan trọng nhất của Kinh tế nhà nước vẫn hoạt động kém hiệu quả, chỉ khoảng 20% số doanh nghiệp nhà nước thực sự có lãi. Vì vậy làm thế nào để doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam nói chung và doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội nói riêng hoạt động kinh doanh có hiệu quả, góp phần thúc đẩy tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội để “xây dựng Thủ đô Hà Nội xứng đáng với vị trí là trung tâm của cả nước, đầu não chính trị hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế”.

Với ý nghĩa đó, tác giả đã chọn đề tài luận văn thạc sĩ ***"Doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội - Thực trạng và giải pháp"***.

### 2. Tình hình nghiên cứu

Ở Việt Nam đề tài về doanh nghiệp nhà nước nói chung đã được nhiều nhà khoa học, các nhà quản lý hoạch định chính sách quan tâm nghiên cứu. Đã có nhiều công trình được công bố, các kết quả nghiên cứu có tác dụng nhất định đối với thực tiễn đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước như:

- "Đổi mới doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam" của Viện sĩ Võ Đại Lược
- "Điều hành doanh nghiệp nhà nước trong cơ chế thị trường" của Phạm Thanh Hải.
- "Vai trò của kinh tế quốc doanh trong nền kinh tế nhiều thành phần" của PTS Nguyễn Thị Thanh Hà.
- "Cải cách doanh nghiệp nhà nước thực tiễn ở Việt Nam và kinh nghiệm thế giới" của Phan Văn Tiệm, Nguyễn Văn Thành và Nguyễn Văn Huy
- "Cải cách doanh nghiệp nhà nước so sánh với Việt Nam" của Viện sĩ Võ Đại Lược...

Ngoài ra, còn nhiều bài viết về doanh nghiệp nhà nước của nhiều tác giả đăng trên các tạp chí Trung ương và chuyên ngành. Các bài viết đã đề cập đến vấn đề bức xúc nhất trong thời gian gần đây của tiến trình cải cách doanh nghiệp nhà nước như: Đổi mới tổ chức quản lý trong doanh nghiệp nhà nước, những lực cản cơ bản của tiến trình cổ phần hoá, về lao động dôi dư, xử lý công nợ, xác định giá trị doanh nghiệp trong cải cách doanh nghiệp nhà nước...

Nhưng những vấn đề thuộc về doanh nghiệp nhà nước địa phương ở các tỉnh thành thì chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống và cơ bản. Mà đây là lĩnh vực nghiên cứu phức tạp và có khó khăn nhất định. Vì vậy, tôi quyết định chọn đề tài nghiên cứu về doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội.

### **3. Mục đích nghiên cứu**

- Phân tích môi trường kinh tế tác động tới sự phát triển của doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội.

- Phân tích, đánh giá thực trạng của các doanh nghiệp nhà nước địa phương Hà Nội trong 10 năm qua (1992 - 2002).

- Trên cơ sở phân tích thực trạng, đề xuất những phương hướng, giải pháp đặc biệt là vai trò quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội; đồng thời nêu lên một số kiến nghị đề xuất với Trung ương để thúc đẩy nhanh hơn nữa tiến trình cải cách doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Thủ đô Hà Nội.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Luận văn lấy đối tượng nghiên cứu là thực trạng và các giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả hoạt động của:

+ Doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội thuộc lĩnh vực công ích.

+ Doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội thuộc lĩnh vực sản xuất - kinh doanh.

Tuy nhiên do khả năng và thời gian có hạn, nên phạm vi nghiên cứu của đề tài chỉ tập trung vào một số lĩnh vực: công nghiệp dệt, cơ khí, ngành da - giấy và một số lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp công ích... và đề tài được nghiên cứu chủ yếu giai đoạn từ 1992 đến tháng 8 năm 2002.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Vận dụng các phương pháp chung của kinh tế chính trị: là các phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh ... kết hợp với các bảng biểu minh họa làm rõ mục đích yêu cầu của luận văn.

## 6. Một số đóng góp của luận văn

Trên cơ sở hệ thống hoá lý luận chung về doanh nghiệp nhà nước; phân tích đặc điểm thực trạng và những vấn đề cần giải quyết của khu vực doanh nghiệp nhà nước ở Hà Nội, luận văn sẽ đóng góp:

- Góp phần nâng cao năng lực quản lý Nhà nước trong việc hoạch định chính sách và hoàn thiện cơ chế quản lý nhằm đưa ra giải pháp đồng bộ để thúc đẩy nhanh quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội, từ đó có thể vận dụng cho các địa phương khác.
- Làm tài liệu để giảng dạy và học tập cho sinh viên phần kinh tế chính trị xã hội chủ nghĩa ở nhà trường.

## 7. Kết cấu của luận văn

*Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm có 3 chương:*

***Chương 1: Doanh nghiệp nhà nước và đặc điểm của doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội.***

***Chương 2: Thực trạng và hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội.***

***Chương 3: Một số giải pháp tiếp tục đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Hà Nội.***

## NỘI DUNG

### CHƯƠNG 1

#### DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ ĐẶC ĐIỂM DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG Ở HÀ NỘI

##### 1.1. Doanh nghiệp nhà nước và vai trò của nó trong nền kinh tế nước ta

###### 1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp nhà nước

*Khái niệm về doanh nghiệp nhà nước:* Hiện nay tiêu thức cụ thể để phân loại và nhận biết về doanh nghiệp nhà nước ở nhiều nước trên thế giới còn rất khác nhau:

*Liên Hợp quốc quan niệm:* doanh nghiệp nhà nước là những doanh nghiệp do Nhà nước nắm toàn bộ hoặc một phần vốn tại doanh nghiệp và Nhà nước có quyền kiểm soát tới một mức độ nhất định quá trình đưa ra những quyết sách của doanh nghiệp.

*Ngân hàng thế giới:* doanh nghiệp nhà nước như là một thực thể kinh tế thuộc sở hữu hay thuộc quyền kiểm soát của Nhà nước mà phần lớn thu nhập của họ được tạo ra thông qua việc bán hàng hoá và dịch vụ.

*Ở Pháp,* doanh nghiệp nhà nước được xác định là những doanh nghiệp thoả mãn đủ 3 điều kiện: *Thứ nhất:* tính công hữu của quyền sở hữu doanh nghiệp, nhờ đó có thể xác định được địa vị lãnh đạo của Nhà nước đối với doanh nghiệp; *thứ hai:* có địa vị pháp nhân độc lập, nghĩa là nó có địa vị pháp lý như các doanh nghiệp pháp nhân khác trong cùng hoạt động kinh tế; *thứ ba,* là tổ chức kinh tế có hạch toán lỗ lãi chứ không phải là đơn vị hành chính sự nghiệp của Chính phủ.



Các nước khác như Phần Lan, Thụy Điển, Brazil, Tây Ban Nha, Australia... đều xác định các doanh nghiệp trong đó Nhà nước chiếm trên 50% vốn là doanh nghiệp nhà nước [33, tr8-9]

Nhưng có một số nước xác định tỷ lệ này thấp hơn, ví dụ Hàn Quốc : 10%; Italia: 25%; Malaysia: 20%; Ấn Độ xác định: tất cả các doanh nghiệp sản xuất hàng hoá trong các ngành công nông nghiệp và dịch vụ tính giá thành được do Chính phủ là người chủ sở hữu chủ yếu đều thuộc doanh nghiệp nhà nước, hay còn gọi là xí nghiệp công doanh. Chính phủ bao gồm cả Chính phủ Trung ương và chính quyền địa phương [33, tr9].

Tuy nhiên, chúng ta có thể tìm thấy những tiêu chí tiêu biểu trong các định nghĩa về doanh nghiệp nhà nước do các nước, các tổ chức đưa ra, đó là:

- Chính phủ là cổ đông chính trong doanh nghiệp hoặc có thể kiểm soát những chính sách chung của doanh nghiệp và bổ nhiệm hoặc bãi chức ban quản lý doanh nghiệp.
- Doanh nghiệp có nhiệm vụ sản xuất hoặc bán hàng hoá và dịch vụ cho công chúng, hoặc cho các doanh nghiệp khác.
- Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Như vậy, có thể thấy các tiêu chí cụ thể để nhận biết, phân biệt doanh nghiệp nhà nước trên thế giới còn khác nhau, ví dụ như theo tiêu chí về quyền sở hữu của Nhà nước trong các doanh nghiệp nhà nước.

Ở Việt Nam, khái niệm doanh nghiệp nhà nước được đề cập từ Đại hội giữa nhiệm kỳ khoá VII (1-1994), nó được hoàn thiện và sử dụng thống nhất từ khi Luật Doanh nghiệp nhà nước được Quốc hội thông qua, ban hành ngày 20-4-1995.

Quan niệm về doanh nghiệp nhà nước được quy định trong Điều 1 – Luật Doanh nghiệp nhà nước như sau:

- “Doanh nghiệp nhà nước là tổ chức kinh tế do Nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý, hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động công ích, nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội do Nhà nước giao.
- Doanh nghiệp nhà nước có tư cách pháp nhân, có quyền và nghĩa vụ dân sự, tự chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động, kinh doanh trong phạm vi vốn do doanh nghiệp quản lý.
- Doanh nghiệp nhà nước có tên gọi, có con dấu riêng và có trụ sở chính trên lãnh thổ Việt Nam.” [42,5-6]

Tóm lại, những quan niệm trên ít nhiều có sự khác nhau, tùy theo sự nhấn mạnh một số tiêu chí nhất định, nước này thì xem đó là doanh nghiệp nhà nước, nước khác lại xem đó là doanh nghiệp tư nhân. Thậm chí ngay trong một nước cũng có những quan niệm khác nhau về doanh nghiệp nhà nước, dẫn đến có sự đánh giá khác nhau về vị trí, vai trò, hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước. Vì vậy, cần xác định rõ tiêu chí về doanh nghiệp nhà nước để có sự đánh giá thống nhất cũng như có cơ chế quản lý phù hợp với điều kiện nước ta.

Gắn với thực tiễn Việt Nam, chúng ta thấy xác định là doanh nghiệp nhà nước cần hội đủ một số tiêu chí sau: *mức độ sở hữu của Nhà nước về vốn tại doanh nghiệp, khả năng thực hiện quyền sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp, tính chất, hoạt động và địa vị pháp lý của doanh nghiệp.*

*Về mức độ sở hữu của Nhà nước về vốn tại doanh nghiệp* không nhất thiết phải là 1 tỷ lệ cố định là lớn hơn 50% tổng số vốn của doanh nghiệp, mà là một tỷ lệ có thể nhỏ hơn 50% tùy từng trường hợp, từng thời điểm cụ thể, đủ để Nhà nước nắm giữ tỷ lệ vốn cổ phần chi phối doanh nghiệp đó, bảo đảm

cho Nhà nước có vai trò quyết định khi thông qua các quyết sách quan trọng của doanh nghiệp.

Còn trong các doanh nghiệp mà cổ đông tư nhân nắm nhiều cổ phần có quyền tham gia quản lý doanh nghiệp đến mức Nhà nước không còn khả năng kiểm soát các quyết định quan trọng của doanh nghiệp thì doanh nghiệp đó không còn là doanh nghiệp nhà nước.

*Về tính chất hoạt động của doanh nghiệp nhà nước* là sản xuất - kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có hạch toán lỗ lãi. Điều này phân biệt doanh nghiệp nhà nước với cơ quan hành chính sự nghiệp của Nhà nước.

*Về địa vị pháp lý*, doanh nghiệp nhà nước có tư cách pháp nhân độc lập, điều này khẳng định quyền và nghĩa vụ dân sự mà doanh nghiệp tham gia các quan hệ pháp lý, khả năng tự chủ về vốn, có tên giao dịch, con dấu riêng và nơi đặt trụ sở chính.

Do đó, để có thể kết luận một doanh nghiệp có phải là doanh nghiệp nhà nước hay không phải dựa vào những tiêu chí cơ bản, chứ không thể chỉ dựa vào một trong các tiêu chí đó.

\* *Phân loại doanh nghiệp nhà nước*: có nhiều cách phân loại doanh nghiệp nhà nước khác nhau.

- *Xét theo cơ cấu sở hữu vốn nhà nước*.

+ Loại doanh nghiệp nhà nước chỉ có một chủ sở hữu duy nhất là Nhà nước.

+ Loại doanh nghiệp nhà nước có nhiều chủ sở hữu vốn, trong đó Nhà nước giữ trên 50% vốn.

+ Loại doanh nghiệp nhà nước có nhiều chủ sở hữu vốn, trong đó phần sở hữu của Nhà nước ít nhất gấp hai lần cổ phần của các cổ đông lớn khác trong doanh nghiệp.

+ Loại doanh nghiệp nhà nước có nhiều chủ sở hữu vốn, trong đó Nhà nước sở hữu cổ phần đặc biệt để nắm giữ quyền quyết định một số vấn đề quan trọng của doanh nghiệp theo thoả thuận được ghi trong điều lệ doanh nghiệp.

- Nếu căn cứ vào quy mô dựa trên 3 tiêu thức chính là vốn, lao động và sản lượng thì có thể phân thành 3 nhóm:

+ Doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn: vốn nhà nước trên 10 tỷ, doanh thu trên 100 tỷ, lao động từ 300 người lao động trở lên.

+ Doanh nghiệp nhà nước có quy mô vừa: vốn nhà nước từ 5 đến 10 tỷ, doanh thu từ 50 đến 100 tỷ, lao động từ 200 người trở lên.

+ Doanh nghiệp nhà nước quy mô nhỏ: vốn dưới 5 tỷ, doanh thu dưới 50 tỷ, lao động dưới 200 người.

- Theo mục tiêu hoạt động có 2 loại:

+ Doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh là doanh nghiệp nhà nước hoạt động chủ yếu nhằm mục tiêu lợi nhuận. Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước được đánh giá theo lợi nhuận đạt được và mức độ đóng góp vào ngân sách nhà nước.

+ Doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích là doanh nghiệp hoạt động sản xuất, cung ứng hàng hoá, dịch vụ công cộng theo các chính sách của Nhà nước, hoặc trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Theo cấp chủ quản

+ Doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý.

+ Doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý.

Đây là cách phân chia cần thiết để Nhà nước có thể tiến hành quản lý doanh nghiệp theo các mục tiêu khác nhau một cách có hiệu quả.

\* *Khái niệm doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương.*

Từ khái niệm chung về doanh nghiệp nhà nước có thể hiểu doanh nghiệp nhà nước Trung ương như sau:

- Doanh nghiệp nhà nước Trung ương là tổ chức kinh tế do cơ quan Nhà nước Trung ương có thẩm quyền đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý, hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động công ích trong các ngành và lĩnh vực then chốt, huyết mạch của nền kinh tế, nhằm đảm bảo cho sự ổn định kinh tế vĩ mô. Doanh nghiệp nhà nước Trung ương tự chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn của doanh nghiệp; Doanh nghiệp nhà nước Trung ương có tên gọi, có con dấu riêng và có trụ sở chính trên lãnh thổ Việt Nam.

Chúng ta có thể phân tích khái niệm doanh nghiệp nhà nước Trung ương ở một số khía cạnh cơ bản sau:

+ Việc thành lập và tổ chức quản lý doanh nghiệp nhà nước Trung ương là do Thủ tướng, các cơ quan nhà nước Trung ương có thẩm quyền quyết định. Ví dụ: Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Công nghiệp, các doanh nghiệp này sẽ trực tiếp đại diện sở hữu nguồn vốn thông qua Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc... Các bộ quản lý ngành và Bộ Tài chính quản lý doanh nghiệp

những mặt: sử dụng bảo toàn và phát triển vốn, lĩnh vực đầu tư, nộp thuế, bảo hiểm cho người lao động...

+ Doanh nghiệp nhà nước Trung ương hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động công ích trong những ngành, những lĩnh vực then chốt huyết mạch của nền kinh tế như năng lượng, hoá chất, mạng thông tin quốc gia và quốc tế, khai thác khoáng sản quan trọng, in bạc, điều hành bay, sản xuất, sửa chữa vũ khí, trang thiết bị chuyên dùng cho quốc phòng an ninh... nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển nền kinh tế vĩ mô.

Từ sự phân tích khái niệm chung về doanh nghiệp nhà nước Trung ương có thể hiểu khái niệm doanh nghiệp nhà nước địa phương như sau:

+ Doanh nghiệp nhà nước địa phương là tổ chức kinh tế do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan Nhà nước địa phương có thẩm quyền đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý. Ví dụ: Sở Tài chính Vật giá, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Thương mại, Sở Xây dựng, Sở Lao động Thương binh Xã hội, Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Huyện...

+ Doanh nghiệp nhà nước địa phương đa số hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động công ích trong những ngành tạo ra sản phẩm thiết yếu phục vụ cho nhu cầu của nhân dân địa phương, và các địa phương giáp ranh. Ví dụ: công nghiệp dệt, da giày, cấp thoát nước, vận tải công cộng... nhằm giải quyết những yêu cầu cụ thể của địa phương.

*\* Mối quan hệ giữa doanh nghiệp nhà nước Trung ương và doanh nghiệp nhà nước địa phương*

Giữa doanh nghiệp nhà nước Trung ương và doanh nghiệp nhà nước địa phương có mối quan hệ tác động qua lại cùng bổ sung cho nhau phát triển. Đặc biệt trên cùng một địa bàn, mối quan hệ giữa hai khu vực này ngày càng

khăng khít hơn. Trong khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương đều có quy mô lớn, có lợi thế trong việc áp dụng công nghệ hiện đại, có ưu thế về khả năng cạnh tranh để tham gia vào thị trường thế giới. Do đó, doanh nghiệp nhà nước Trung ương có thể trợ giúp công nghệ, vốn, thị trường cho doanh nghiệp nhà nước địa phương hoặc các doanh nghiệp nhà nước của địa phương phát triển theo kiểu “công ty vệ tinh” của các doanh nghiệp nhà nước Trung ương. Từ đó, có thể nghiên cứu để xây dựng nhà máy chế biến, và chịu trách nhiệm thị trường tiêu thụ, còn các doanh nghiệp nhà nước địa phương đóng vai trò là nguồn cung cấp nguyên liệu, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp...

Nhưng ở đây chúng ta thấy doanh nghiệp nhà nước địa phương, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực công ích có một vai trò không nhỏ trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhà nước Trung ương hoạt động tốt.

Ví dụ như việc cung cấp nước sạch, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường...

### **1.1.2. Vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường.**

Sự tồn tại của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế đã trở thành hiện thực khách quan ở hầu hết các quốc gia trên toàn thế giới với các thể chế chính trị khác nhau. Ở mỗi nước, vai trò vị trí của doanh nghiệp nhà nước có những mức độ khác nhau, tùy thuộc vào mục tiêu chiến lược của Nhà nước trong những giai đoạn nhất định.

Thực tiễn cho thấy, đã tồn tại quan niệm trái ngược nhau về vai trò của doanh nghiệp nhà nước ở nhiều nước: *Một là*, quá đề cao doanh nghiệp nhà nước, xem nó như là một lực lượng chủ lực, quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, từ đó dẫn tới việc quốc hữu hoá, thành lập nhiều doanh nghiệp nhà nước vào những năm 1950 - 1960. *Hai là*, xem nhẹ vai trò



doanh nghiệp nhà nước, đề cao vai trò của kinh tế tư nhân dẫn tới đẩy nhanh quá trình tư nhân hoá doanh nghiệp nhà nước từ cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX cho đến nay. Thực tế đã chứng minh cả hai quan niệm này đều không đúng. Khi nhấn mạnh quá mức vai trò của doanh nghiệp nhà nước dẫn đến hình thành nền kinh tế chỉ huy sẽ gây cản trở, làm hạn chế khả năng sản xuất của khu vực kinh tế tư nhân, kết quả là làm cho nền kinh tế bị lâm vào cảnh trì trệ, đình đốn như mô hình của các nước Xã hội chủ nghĩa trước đây. Ngược lại, nếu tư nhân hoá tràn lan tới mức Nhà nước chỉ có thể điều tiết nền kinh tế bằng các chính sách, bằng pháp luật, sẽ hạn chế khả năng điều tiết của Nhà nước, tăng tính tự phát của thị trường, gây hậu quả xấu về kinh tế và xã hội.

Hiện nay, có thể nói không một quốc gia nào loại bỏ hoàn toàn doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế. Sự cần thiết tồn tại doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường là doanh nghiệp nhà nước tạo cho Chính phủ một sức mạnh để giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội to lớn trong những giai đoạn đặc biệt như giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hoá, khủng hoảng kinh tế hoặc để sản xuất những hàng hoá và dịch vụ được tiêu dùng mang tính chất xã hội như đường giao thông, phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở, kiểm soát việc sử dụng những tài nguyên quý hiếm của quốc gia và những ngành liên quan đến an ninh quốc phòng.

Ở nước ta, sự ra đời và tồn tại của doanh nghiệp nhà nước cũng trải qua nhiều giai đoạn gắn bó với nhiệm vụ chính trị và mô hình kinh tế được áp dụng. Trước Đại hội VI, chúng ta thực hiện mô hình kinh tế cũ, tương ứng với thời kỳ này doanh nghiệp nhà nước được gắn với vai trò thống trị trong tất cả các lĩnh vực bằng tỷ trọng áp đảo. Đồng thời việc quản lý các doanh nghiệp nhà nước lại thiên về mệnh lệnh hành chính, vừa quan liêu, lại đi sâu vào can thiệp trực tiếp vào công việc sản xuất của các đơn vị kinh tế. Điều này dẫn tới những sai lầm của mô hình kinh tế cũ, là cơ cấu nền kinh tế bất hợp lý, làm mất đi tính năng động sáng tạo của các doanh nghiệp.



Đến Đại hội VI, Đại hội VII, chúng ta thực hiện công cuộc đổi mới và vai trò của doanh nghiệp nhà nước được xác định: doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo bằng năng suất, chất lượng, uy tín kinh doanh, doanh nghiệp nhà nước phải giữ vị trí then chốt của nền kinh tế. Như vậy, nội dung “vai trò chủ đạo” của doanh nghiệp nhà nước chưa được thể hiện rõ ràng.

Chỉ đến Đại hội VIII nội dung “vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước mới được khẳng định rõ ràng, phù hợp nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta. Đại hội VIII đã khẳng định “chủ động đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác. Kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác dần dần trở thành nền tảng, làm đòn bẩy đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội, mở đường hướng dẫn, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển, làm lực lượng vật chất để Nhà nước thực hiện chức năng điều tiết và quản lý kinh tế vĩ mô”. Giờ đây vai trò chủ đạo được thực hiện đầy đủ bởi Kinh tế nhà nước mà doanh nghiệp nhà nước là một bộ phận hợp thành, đóng vai trò nòng cốt. Kinh tế nhà nước ngoài các doanh nghiệp nhà nước còn có các bộ phận khác như: phần ngân sách nhà nước để lập ra các doanh nghiệp nhà nước mới hoặc liên kết mua cổ phần của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, phần ngân sách nhà nước dùng để bổ sung cho vốn tín dụng cho vay, dùng để trợ giá, trợ lãi suất... Như vậy, vai trò chủ đạo, định hướng, hướng dẫn chi phối các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế thuộc về Kinh tế nhà nước với tất cả các bộ phận cấu thành nó. Trong đó doanh nghiệp nhà nước là lực lượng nòng cốt bởi quy mô, sức mạnh và khả năng tác động của nó so với các bộ phận khác trong kinh tế nhà nước. Cụ thể “vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước được thể hiện ở ưu thế của nó so với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác:

- Doanh nghiệp nhà nước có nhiều khả năng để tập trung nguồn vốn, tổ chức sản xuất hiện đại, chuyển giao công nghệ, hội nhập với nền

kinh tế thế giới. Từ đó có thể thực hiện chiến lược phát triển tăng tốc, rút ngắn khoảng cách giữa các nước chậm phát triển với các nước phát triển.

- Doanh nghiệp nhà nước có thể trở thành những công cụ trực tiếp để tham gia khắc phục những hạn chế của kinh tế thị trường khi nó đủ khả năng cung cấp những hàng hoá và dịch vụ công cộng có ý nghĩa đặc biệt đối với sinh hoạt chung của xã hội mà tư nhân và các thành phần kinh tế khác không muốn hoặc không có khả năng đầu tư. Phát triển doanh nghiệp nhà nước để xây dựng kết cấu hạ tầng cho nền kinh tế, góp phần nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững lâu dài nền kinh tế.

## **1.2. Đặc điểm doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Thành phố Hà Nội.**

### ***1.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội đối với sự phát triển của doanh nghiệp nhà nước địa phương ở thành phố Hà Nội.***

Sau nhiều lần thay đổi địa giới, cho đến hôm nay Thành phố Hà Nội có tổng diện tích 918,5 km<sup>2</sup> (chiếm 0,28% diện tích cả nước), trong nội thành chiếm 5% diện tích của thành phố, dân số 2.711.600 người tính đến đầu năm 2000 (bằng 3,5% dân số cả nước) trong đó số người ở độ tuổi lao động là 1,8 triệu và phần lớn cư dân là sản xuất phi nông nghiệp (66% dân số). Mặc dù các ngành công nghiệp phát triển nhanh, nhưng diện tích đất sử dụng cho nông nghiệp và nông thôn vẫn chiếm trên 50%.

Thủ đô Hà Nội là một trung tâm kinh tế - văn hóa - giáo dục - khoa học - công nghệ, trên địa bàn thành phố có đến 52 trường Đại học, Cao đẳng, gần 200 Viện Nghiên cứu Khoa học Công nghệ, khoảng 4000 cán bộ có trình độ trên đại học, sinh viên đại học, cơ quan đảng trên địa bàn chiếm 40% tổng số sinh

viên cả nước. Vì thế tỉ lệ lao động qua đào tạo của thủ đô đạt 44,28% (cả nước gần 20%)

Hà Nội nằm ở trung tâm vùng đồng bằng sông Hồng, tiếp giáp với 5 tỉnh : Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hà Tây, Hưng Yên và Vĩnh Phúc, do đó rất thuận tiện cho việc phát triển toàn diện các mối quan hệ kinh tế - xã hội với các địa phương lân cận. Trong thời gian gần đây, Thành phố Hà Nội là địa phương đứng thứ hai cả nước về tốc độ phát triển kinh tế, đóng góp cho ngân sách quốc gia hàng năm. Trong giai đoạn 1991-2000, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình hàng năm của Thành phố Hà Nội là 11,6% so với mức 7,7% của cả nước. Bình quân GDP trên đầu người của Thành phố Hà Nội năm 2000 đạt gần 990 USD (so với 446 USD năm 1990), cao gấp hơn hai lần mức bình quân chung của cả nước. Tỷ trọng GDP của Thành phố Hà Nội năm 2000 chiếm 7,22% trong GDP cả nước (so với 5,5% năm 1990), chiếm 41% trong GDP vùng đồng bằng sông Hồng và chiếm 65,47% trong GDP toàn vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ. Tiềm năng và thực tế huy động vốn cho đầu tư phát triển của thành phố không ngừng tăng lên. Tỷ trọng vốn đầu tư từ nguồn trong nước tăng mạnh ở tất cả các nguồn. Vốn nhà nước chiếm tỉ trọng 11,1% năm 1996 tăng lên 21,5% năm 2000, vốn doanh nghiệp tự đầu tư từ 17,8% lên 20,3%, vốn đầu tư từ 15,4% lên 26%. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách cho sản xuất công nghiệp giảm từ 25,1% năm 1996 xuống còn 2,93% năm 1999 (chuyển sang dùng vốn tự có của doanh nghiệp và vốn tín dụng ưu đãi).

Về tổng quan, sau 10 năm thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hà Nội đã được Trung ương đánh giá là địa phương có bước phát triển toàn diện có nhiều chỉ tiêu dẫn đầu cả nước tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hà Nội giai đoạn 2001-2010.

Chúng ta có thể thấy với tư cách là Thủ đô, Thành phố Hà Nội có một số thuận lợi cơ bản cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung và doanh nghiệp nhà nước địa phương ở Thành phố Hà Nội nói riêng .

- Là bộ mặt quốc gia, Thành phố nhận được sự quan tâm đầu tư và sự chỉ đạo sát sao của Trung ương trong quá trình phát triển.
- Là trung tâm thông tin và giao lưu kinh tế - văn hóa - xã hội trong nước và quốc tế, các doanh nghiệp ở Hà Nội có điều kiện tiếp xúc và nắm bắt kịp thời, hệ thống những thông tin của thị trường trong nước và quốc tế, điều đó giúp các doanh nghiệp tiếp cận nhanh các cơ hội, xử lý tốt các vấn đề nảy sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.
- Là Thủ đô, Hà Nội có ưu thế so với các địa phương khác về thu hút vốn đầu tư, thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hoá và dịch vụ sản xuất trên địa bàn thành phố... tạo điều kiện cho sự phát triển của các doanh nghiệp trên địa bàn.

Bên cạnh những thuận lợi nói trên cũng do vị thế Thủ đô, Thành phố Hà Nội đã, đang và sẽ đứng trước những bức xúc:

- Người dân Hà Nội vẫn mang đậm tư tưởng “trọng thầy hơn trọng thợ” đề cao việc học hành lấy bằng cấp cao thậm chí có khi vì hình thức vào làm công chức nhà nước tạo ra sức ép thừa thầy thiếu thợ trong quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hóa Thủ đô, gây lãng phí và bất cập trong đào tạo, sử dụng lao động của thành phố, cụ thể tỷ lệ giữa lao động có trình độ đại học - trung học chuyên nghiệp - công nhân kỹ thuật là 1 - 0,6 - 0,9 trong khi tỉ lệ hợp lý phải là 1 - 4 - 10. Hơn nữa, người dân thủ đô vẫn nặng tâm lý tiết kiệm và tích lũy tiền bạc, của cải để dành lúc bất trắc, thay vì mạnh dạn đầu tư và tiêu